

Số: 1463/QĐ-UBND

An Giang, ngày 24 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn
trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013 và Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày
17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Ban Bí thư
Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng
thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Nghị định
số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;*

*Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi
ro thiên tai;*

*Căn cứ Quyết định số 1970/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Ngành Khí tượng Thủy
văn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hiện đại hóa Ngành Khí tượng Thủy văn đến
năm 2025 và thời kỳ 2026-2030”;*

*Căn cứ Quyết định số 289/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc
gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xây dựng, thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 13/2023/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BTNMT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 182/TTr-STNMT ngày 02 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- TT. TU, HĐND tỉnh (để b/c);
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- Tổng cục Khí tượng Thủy văn;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, KTN;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh Thúy

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh An Giang
(Kèm theo Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là Quy chế) quy định trách nhiệm và công tác phối hợp quản lý hoạt động khí tượng thủy văn (sau đây viết tắt là KTTV) trên địa bàn tỉnh An Giang. Những nội dung về hoạt động KTTV không nêu trong Quy chế này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong quản lý nhà nước về hoạt động KTTV trên địa bàn tỉnh An Giang.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Mục tiêu phối hợp

- Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ và quy định trách nhiệm phối hợp giữa các Sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan trong quản lý hoạt động KTTV trên địa bàn tỉnh bảo đảm tính chặt chẽ và tuân thủ quy định pháp luật.
- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực KTTV.
- Hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ, cung cấp và trao đổi về thông tin, dữ liệu KTTV nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh, giảm thiểu những tác động tiêu cực do thời tiết, khí hậu, thủy văn gây ra.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

- Bảo đảm sự quản lý thống nhất, liên ngành, đồng bộ, hiệu quả, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng phù hợp với từng cơ quan, đơn vị trong việc chủ trì, phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về KTTV.

2. Việc phối hợp dựa trên chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan, đơn vị; bảo đảm triển khai đầy đủ, chặt chẽ, đúng quy định; tuân thủ quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan.

3. Việc phối hợp, trao đổi thông tin, dữ liệu trong hoạt động KTTV phải thực hiện thường xuyên, nhằm phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về KTTV theo quy định pháp luật.

4. Bảo đảm yêu cầu chất lượng chuyên môn và thời gian.

5. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra và xử lý hành vi vi phạm phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra, kiểm tra giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; không làm cản trở hoạt động bình thường của đơn vị.

6. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời.

7. Chỉ quy định việc phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước không làm phát sinh thủ tục hành chính.

8. Xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp phải được bàn bạc, thống nhất giải quyết trên cơ sở thẩm quyền được giao. Nếu chưa đồng thuận phải tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 5. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hoạt động KTTV trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về KTTV, biến đổi khí hậu (sau đây viết tắt là BĐKH).

3. Quản lý việc tổ chức quan trắc KTTV đối với các công trình phải quan trắc KTTV.

4. Theo dõi, đánh giá việc khai thác, sử dụng bản tin dự báo, cảnh báo KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

5. Thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; việc lồng ghép kết quả giám sát BĐKH trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

6. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, thu hồi, đình chỉ hiệu lực, chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV.

7. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định về hành lang kỹ thuật công trình KTTV thuộc mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng; thành lập, di chuyển, giải

thể trạm KTTV chuyên dùng theo kế hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng của tỉnh.

8. Phối hợp bảo vệ hành lang kỹ thuật công trình KTTV thuộc mạng lưới trạm KTTV quốc gia; thành lập, di chuyển, giải thể trạm KTTV chuyên dùng.

9. Tổ chức đánh giá tác động của BĐKH, xây dựng các giải pháp ứng phó với BĐKH đối với các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

10. Xây dựng, phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng.

11. Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

12. Tổ chức truyền, phát tin dự báo, cảnh báo KTTV và hướng dẫn khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV.

13. Nghiên cứu khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực KTTV, BĐKH.

14. Hợp tác quốc tế về hoạt động KTTV.

15. Phối hợp trong việc thực hiện chế độ báo cáo về công tác quản lý nhà nước về KTTV.

16. Phối hợp trong công tác thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin tài liệu và làm việc với các Đoàn kiểm tra về KTTV.

17. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về KTTV; giải quyết khiếu nại, tố cáo về KTTV.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 6. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các quy định của pháp luật về KTTV; xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật về KTTV, giám sát BĐKH, quy hoạch phát triển, chương trình, kế hoạch trung hạn, dài hạn và hàng năm về KTTV phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền.

2. Chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh An Giang, các cơ quan thông tin đại chúng và cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh tổ chức phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về KTTV và BĐKH.

3. Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục công trình, chủ công trình phải tổ chức quan trắc và cung cấp thông tin, dữ

liệu KTTV trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

4. Phối hợp với Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan thực hiện thẩm định, thẩm tra, đánh giá việc sử dụng thông tin, dữ liệu, tài liệu KTTV trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Tiếp nhận hồ sơ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, cấp lại, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, đình chỉ hiệu lực, chấm dứt hiệu lực của giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV trong các trường hợp được quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khí tượng thủy văn.

7. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo việc thành lập, di chuyển, giải thể trạm KTTV chuyên dùng thuộc mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng của tỉnh cho Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Điều 14 Luật Khí tượng thủy văn.

8. Chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh, các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng kế hoạch phát triển mạng quan trắc KTTV trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch và kết nối với mạng lưới trạm quốc gia, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và ban hành sau khi được Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận bằng văn bản.

9. Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng; tham gia xây dựng phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, kiểm tra việc thực hiện các quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai trên địa bàn tỉnh.

10. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về KTTV theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; quản lý, lưu trữ thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh tiếp nhận thông tin, dữ liệu quan trắc KTTV từ các công trình KTTV trên địa bàn tỉnh theo danh mục; tiếp nhận dữ liệu quan trắc KTTV tự động của chủ các công trình phải quan trắc KTTV để cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc về hệ thống dự báo, cảnh báo KTTV quốc gia và cơ sở dữ liệu KTTV quốc gia.

12. Chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh thực hiện điều tra, khảo sát để bổ sung thông tin, dữ liệu về KTTV đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

13. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về KTTV theo quy định của pháp luật.

14. Chủ trì, tổ chức đánh giá tác động của BĐKH, xây dựng các giải pháp ứng phó với BĐKH đối với các lĩnh vực, khu vực thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Là cơ quan Thường trực của Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH, thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi của Sở Tài nguyên và Môi trường trong các chiến lược, chương trình, kế hoạch quốc gia về BĐKH, các đề án, dự án, chương trình ứng phó với BĐKH; tổ chức kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu trong các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án BĐKH trên địa bàn theo quy định hiện hành.

16. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan thực hiện chế độ báo cáo cho Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quản lý nhà nước trong hoạt động KTTV trên địa bàn tỉnh định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm và báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của cấp thẩm quyền.

Điều 7. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá việc khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện điều tra, khảo sát để bổ sung thông tin, dữ liệu về KTTV đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ phòng chống thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu KTTV; quản lý, lưu trữ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV; tiếp nhận, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV, môi trường do các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân cung cấp.

4. Chuyển giao các số liệu quan trắc về KTTV trên địa bàn tỉnh theo danh mục (Phụ lục đính kèm) cho Sở Tài nguyên và Môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước về KTTV, phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai và dự báo tác động của BĐKH trên địa bàn tỉnh; số liệu chuyển giao sẽ được Sở Tài nguyên và Môi trường chia sẻ các Sở, ban, ngành sử dụng theo quy định pháp luật; phối hợp Văn phòng Ban Chỉ huy Ứng phó với biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai và đề xuất các biện pháp ứng phó BĐKH trên địa bàn tỉnh.

5. Dự báo, cảnh báo KTTV, thiên tai KTTV và xác định cấp độ rủi ro thiên tai; dự báo, đánh giá khí hậu, thủy văn, tiềm năng gió, mặt trời, thủy điện phục vụ

chỉ đạo, điều hành, khai thác, sản xuất năng lượng không tái tạo và tái tạo; ban hành, truyền phát các bản tin dự báo, cảnh báo KTTV, thiên tai KTTV và cấp độ rủi ro thiên tai chi tiết theo quy định trên địa bàn tỉnh; thông báo kịp thời các hiện tượng thời tiết thủy văn nguy hiểm trên địa bàn tỉnh cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thông tin đại chúng theo quy định.

6. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành liên quan thẩm định việc lồng ghép kết quả giám sát BĐKH trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể, tăng trưởng xanh, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Ứng phó với biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiệp vụ KTTV; nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực KTTV, nắm bắt tình hình diễn biến của khí hậu, thủy văn trên địa bàn tỉnh; tham gia xây dựng, đề xuất phương án chủ động phòng, chống, giảm nhẹ tác hại do thiên tai gây ra, ứng dụng thiết bị công nghệ tiên tiến quan trắc phát hiện kịp thời hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc xoáy, mưa đá, lũ quét, sạt lở đất... nâng cao chất lượng dự báo KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

8. Phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phổ biến, tuyên truyền đến các tổ chức và nhân dân về những chính sách, pháp luật trong lĩnh vực KTTV. Thực hiện các hoạt động tư vấn, dịch vụ về KTTV cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

9. Tham gia ý kiến trong thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép cảnh báo dự báo KTTV thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (nếu có).

10. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới KTTV chuyên dùng của tỉnh, đề xuất mạng lưới KTTV chuyên dùng của tỉnh, nội dung quan trắc trạm KTTV chuyên dùng của tỉnh.

11. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, giám sát sự hoạt động của toàn bộ thiết bị đo KTTV trên địa bàn tỉnh bảo đảm các thiết bị được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng và định kỳ kiểm định theo quy định của Luật khí tượng thủy văn. Số liệu KTTV khi sử dụng vào các mục đích hợp pháp phải được thu thập từ các thiết bị được kiểm định và còn hạn kiểm định.

12. Chủ động xác định hành lang kỹ thuật công trình KTTV thuộc quyền quản lý, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xác định hành lang kỹ thuật công trình KTTV ngoài thực địa, cắm mốc, công bố để phối hợp quản lý, bảo vệ.

Điều 8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan rà soát, cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư công cho các dự án liên quan đến KTTV, nhiệm vụ phòng chống thiên tai, ứng phó BĐKH.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành tổ chức thực hiện lồng ghép, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào Quy hoạch, Kế hoạch phát triển ngành, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo quy định tại Điều 16 Luật Phòng chống thiên tai, Điều 13 Thông tư số 10/2021/TT-BKHĐT; lồng ghép nội dung thích ứng biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Thẩm định, thẩm tra, đánh giá nguồn gốc thông tin, dữ liệu KTTV.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp danh sách các tổ chức, cá nhân được chứng nhận đầu tư kinh doanh ngành nghề dự báo, cảnh báo KTTV khi có yêu cầu.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 9. Sở Tài chính

1. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, tham mưu UBND tỉnh kinh phí thực hiện hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định về phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan về tài chính theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Quản lý, cung cấp dữ liệu đo đạc từ các công trình thủy lợi, nông lâm nghiệp, thủy sản có quan trắc, khai thác dữ liệu KTTV cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của tỉnh.

2. Cập nhật danh sách các công trình phải quan trắc KTTV gồm hồ chứa thủy lợi; hồ chứa thuộc phạm vi điều chỉnh của quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông; vườn quốc gia cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi có thay đổi.

3. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham gia ý kiến, đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH, việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hướng dẫn (theo quy định cụ thể của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại điểm a, khoản 2, Điều 52, Luật Khí tượng Thủy văn) cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động

trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV, tin dự báo, cảnh báo KTTV; áp dụng quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng, quản lý, khai thác công trình phòng, chống thiên tai trong phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh trong bối cảnh BĐKH.

5. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới KTTV chuyên dùng của tỉnh, đề xuất mạng lưới KTTV chuyên dùng của tỉnh phục vụ công tác phòng chống thiên tai.

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH; thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, dự án về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản và phát triển nông thôn.

7. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh thu thập, cập nhật và tổng hợp các thông tin, số liệu về tác động của giám sát BĐKH ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; đề xuất các biện pháp ứng phó, khắc phục.

8. Tham gia ý kiến trong việc thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép dự báo, cảnh báo KTTV thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (nếu có).

9. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 11. Sở Giao thông vận tải

1. Phối hợp, cung cấp dữ liệu đo đạc từ các công trình giao thông thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải có quan trắc, khai thác dữ liệu KTTV cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của tỉnh.

2. Cập nhật danh sách các công trình do Sở quản lý phải quan trắc KTTV gồm Sân bay địa phương; Đường cao tốc; Cảng thủy nội địa tổng hợp loại I trở lên; Cầu có khẩu độ thông thuyền từ 500 mét trở lên; đường bộ, đường thủy nội địa gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi có thay đổi.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hướng dẫn cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực giao thông vận tải khai thác, cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV, tin dự báo, cảnh báo KTTV; áp dụng việc sử dụng, trao đổi thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV đáp ứng yêu cầu quản lý dịch vụ đảm bảo hoạt động giao thông thủy, giao thông đường bộ, đường hàng không.

4. Theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai, thích ứng với BĐKH trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, dự án hạ tầng giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh.

5. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung những công trình giao thông phải quan trắc KTTV.

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các chiến lược phát triển đồng bộ hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh phù hợp phục vụ hoạt động KTTV theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Cập nhật danh sách các công trình phải quan trắc KTTV gồm Tháp thu phát sóng phát thanh, truyền hình, viễn thông có kết hợp khai thác tham quan, kinh doanh phục vụ khách trên tháp gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi có thay đổi.

3. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông di động cung cấp danh sách cập nhật các trạm thu phát sóng thông tin di động kiên cố chịu được rủi ro thiên tai cấp IV theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai, gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi có thay đổi.

4. Chỉ đạo các cơ quan báo đài cấp tỉnh, hệ thống Đài truyền thanh cấp huyện, hệ thống thông tin cơ sở tích cực tuyên truyền các chỉ đạo của Trung ương, của Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động KTTV nhằm đảm bảo đăng tải thông tin, dữ liệu KTTV; giám sát BDKH, thiên tai KTTV đúng với tình hình thực tế. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kịp thời cung cấp thông tin cho báo chí về hoạt động KTTV đã và đang diễn ra trên địa bàn tỉnh một cách chính xác, đảm bảo tính nhất quán trong các thông tin, tuyên truyền.

5. Phối hợp với Văn phòng Ban Chỉ huy Ứng phó với biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh để chỉ đạo các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp viễn thông di động đảm bảo hạ tầng kỹ thuật các mạng di động nhằm phục vụ việc báo tin thiên tai trên địa bàn tỉnh.

6. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh thực hiện triển khai các dự án ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số khí tượng thủy văn, xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia tập trung, liên thông với các cơ sở dữ liệu chung của quốc gia, triển khai hạ tầng an ninh thông tin thiết yếu thay thế các công nghệ cũ để chủ động theo dõi, giám sát và ứng cứu sự cố an ninh thông tin.

7. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 13. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc KTTV cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của tỉnh đối với các công trình khai thác kinh doanh du lịch do Sở quản lý có tổ chức quan trắc KTTV.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc cập nhật danh sách các công trình phải quan trắc KTTV gồm các cấp treo phục vụ hoạt động tham quan, du lịch cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi có thay đổi.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ bổ sung những công trình khai thác kinh doanh, dịch vụ du lịch phải quan trắc KTTV theo tình hình thực tế.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 14. Sở Xây dựng

1. Chủ trì, phối hợp cung cấp số liệu trong công tác xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo phục vụ dự án thoát nước và chống ngập bền vững cho các đô thị trên địa bàn tỉnh thích ứng với biến đổi khí hậu cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH; lồng ghép các nội dung về phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình,... do Sở Xây dựng phụ trách.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới trạm quan trắc KTTV đảm bảo phù hợp với quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị của tỉnh.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về nhu cầu nghiên cứu, tạo sản phẩm khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực KTTV và BĐKH.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh và các đơn vị liên quan thẩm định, thẩm tra, đánh giá nguồn gốc thông tin,

dữ liệu KTTV trong các chương trình, đề tài, dự án có sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV và BĐKH.

3. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 16. Sở Công Thương

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH; thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển, chương trình, dự án trong lĩnh vực công thương.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo định kỳ và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh lồng ghép chương trình giáo dục tại các cấp học nhằm tuyên truyền, phổ biến kiến thức về KTTV, BĐKH và các kỹ năng xử lý, ứng phó khi gặp hiện tượng thời tiết nguy hiểm, phòng tránh thiên tai, ý thức bảo vệ môi trường.

Điều 18. Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Ứng phó với biến đổi khí hậu – Phòng, chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV ở nội dung lồng ghép phòng, chống thiên tai vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Thu thập, đo đạc, khảo sát, thống kê, lưu trữ các dữ liệu KTTV phục vụ công tác theo chức năng nhiệm vụ, đồng thời cung cấp dữ liệu KTTV thu thập, quan trắc được cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh trong việc cung cấp thông tin, bản tin dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai phục vụ cho công tác chỉ đạo phòng chống thiên tai. Tổ chức tuyên truyền về cảnh báo thiên tai theo quy định.

Điều 19. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường bổ sung mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn; kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Ứng phó với biến đổi khí hậu - Phòng chống thiên tai và Phòng thủ dân sự tỉnh và Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh trong việc cung cấp thông tin, dữ liệu, bản tin dự báo, cảnh báo các loại hình thiên tai phục vụ cho công tác chỉ đạo phòng chống thiên tai và phòng thủ dân sự trên địa bàn tỉnh.

Điều 20. Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi

Tổ chức quan trắc, theo dõi, thu thập các số liệu KTTV trên các công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Công ty. Các số liệu quan trắc này được sử dụng trong việc tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch thuộc các công trình thủy lợi, công trình sử dụng nước, phòng chống thiên tai, đồng thời cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường và Đài KTTV tỉnh trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV của tỉnh.

Điều 21. Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang, Báo An Giang

1. Tổ chức biên tập, đưa tin (khi cần thiết) các bản tin dự báo KTTV, bản tin bão, áp thấp nhiệt đới, tin cảnh báo thời tiết nguy hiểm do Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh cung cấp, thông báo khẩn cấp quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc di tản dân để tránh bão, áp thấp nhiệt đới, động đất, sóng thần và các hiện tượng thời tiết, thủy văn nguy hiểm khác trên sóng Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang (ATV).

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài KTTV tỉnh trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về KTTV và BĐKH.

3. Tham gia đưa tin, bài tại các buổi hội nghị, họp báo về KTTV, BĐKH do Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức.

Điều 22. Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường lập kế hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng theo nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ quy hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh thực hiện điều tra, khảo sát để bổ sung thông tin, dữ liệu về KTTV đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ quy hoạch phát triển ngành, kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai khi xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Rà soát, bổ sung các nội dung phòng, chống thiên tai mà trước đây chưa đề cập hoặc đã có đề cập nhưng chưa phù hợp với quy hoạch và tiêu chuẩn phòng, chống thiên tai hoặc có nguy cơ gây mất an toàn cho hệ thống công trình chuyên dụng cho phòng, chống thiên tai tại địa phương.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, có ý kiến thẩm định trong quy trình cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV khi có yêu cầu. Nội dung ý kiến thẩm định liên quan đến pháp lý của tổ chức hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV theo quy định tại Điều 15 Nghị định

số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn.

5. Tiếp nhận kế hoạch tác động vào thời tiết của cơ quan, tổ chức, cá nhân, chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lấy ý kiến cộng đồng dân cư trên địa bàn các xã, phường, thị trấn chịu tác động trực tiếp từ kế hoạch tác động vào thời tiết đối với trường hợp kế hoạch tác động vào thời tiết ảnh hưởng đến khu vực là địa bàn từ 02 đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn trở lên.

6. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về KTTV theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm và đột xuất cho Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình hoạt động KTTV; các tổ chức, cá nhân có công trình KTTV không phục vụ cho hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV; kế hoạch tác động vào thời tiết đã tiếp nhận; tình hình quản lý mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình KTTV của tổ chức, cá nhân; công tác phòng, chống thiên tai KTTV xảy ra trên địa bàn.

Điều 23. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

1. Phối hợp thực hiện điều tra, khảo sát để bổ sung thông tin, dữ liệu về KTTV đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Phối hợp Sở Tài nguyên và môi trường có ý kiến về pháp lý quyền sử dụng đất trong việc công bố công khai mốc giới, cắm mốc giới trên thực địa, quản lý mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình KTTV của tổ chức là đơn vị sự nghiệp công lập. Quản lý hồ sơ, chỉ giới đất, phạm vi hành lang kỹ thuật công trình của các tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn.

3. Triển khai đến các ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị có liên quan lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai khi xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Rà soát, bổ sung các nội dung phòng, chống thiên tai mà trước đây chưa đề cập hoặc đã có đề cập nhưng chưa phù hợp với quy hoạch và tiêu chuẩn phòng, chống thiên tai hoặc có nguy cơ gây mất an toàn cho hệ thống công trình chuyên dụng cho phòng, chống thiên tai tại địa phương.

4. Tiếp nhận kế hoạch tác động vào thời tiết của cơ quan, tổ chức, cá nhân, chủ trì họp lấy ý kiến cộng đồng dân cư gồm thành phần đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp và đại diện một số tổ dân phố trên địa bàn xã, phường, thị trấn chịu tác động trực tiếp từ kế hoạch tác động vào thời tiết, tổng hợp ý kiến và cho ý kiến phản hồi với từng nội dung của kế hoạch tác động vào thời tiết đối với trường hợp kế hoạch tác động vào thời tiết ảnh hưởng đến khu vực là địa bàn đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn.

5. Phối hợp lấy ý kiến cộng đồng dân cư gồm thành phần đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ

chức xã hội nghề nghiệp và đại diện một số tổ dân phố trên địa bàn xã, phường, thị trấn chịu tác động trực tiếp từ kế hoạch tác động vào thời tiết đối với trường hợp kế hoạch tác động vào thời tiết ảnh hưởng đến khu vực là địa bàn từ 02 đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn trở lên.

6. Phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về KTTV theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện công tác báo cáo định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm và đột xuất cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố về tình hình hoạt động KTTV, thiên tai KTTV xảy ra trên địa bàn. Nội dung báo cáo gồm tình hình quản lý mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình KTTV của tổ chức, cá nhân và công tác phòng, chống thiên tai KTTV xảy ra trên địa bàn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 25. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh vướng mắc, không phù hợp thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.

Phụ lục

**Danh sách dữ liệu Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh An Giang
chia sẻ với Sở Tài nguyên và Môi trường**

*(Kèm theo Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Bảng 1. Dữ liệu chia sẻ với Sở Tài nguyên và Môi trường không thu phí, phục vụ công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn

STT	Tên dữ liệu	Loại dữ liệu	Trạm
1	Nhiệt độ không khí	Đặt trung tháng	Trạm KTTV chuyên dùng và trạm quốc gia trên địa bàn tỉnh
2	Độ ẩm không khí	Đặt trung tháng	
3	Lượng mưa	Đặt trung tháng	
4	Thời gian nắng	Đặt trung tháng	
5	Tầm nhìn xa	Đặt trung tháng	
6	Gió	Đặt trung tháng	
7	Độ mặn	Đặt trung tháng	
8	Mức nước	Đặt trung tháng	
9	Lưu lượng nước	Đặt trung tháng	

1. Thời gian cung cấp số liệu:

- Các số liệu trong năm (tháng 10 năm trước đến tháng 10 năm hiện tại) được cung cấp trong tháng 12 hàng năm.
- Riêng số liệu mức nước và lưu lượng nước của năm trước sẽ được cung cấp vào cuối tháng 6 của năm.

2. Phương thức cung cấp dữ liệu: Tập tin thông qua thư điện tử.

3. Giới hạn khi chia sẻ lại cho các đơn vị khác:

- a) Đối với các Sở ngành tỉnh: Chia sẻ và sử dụng nhằm mục đích quản lý Nhà nước theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.
- b) Đối với các đề tài khoa học cấp tỉnh, cấp sở; các cơ quan tổ chức khác:
 - Mục đích phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về KTTV trên địa bàn; điểm c khoản 2 Điều 23 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ không phải thu phí.

- Các mục đích khác được thu phí theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 01 năm 2019.

Bảng 2. Dữ liệu chia sẻ với Sở Tài nguyên và Môi trường không thu phí phục vụ công tác phòng chống thiên tai (vận hành, cập nhật các bản đồ cảnh báo thiên tai)

STT	Tên dữ liệu	Loại dữ liệu	Trạm
1	Nhiệt độ không khí	Theo giờ	Trạm KTTV chuyên dùng và trạm quốc gia trên địa bàn tỉnh
2	Độ ẩm không khí	Theo giờ	
3	Lượng mưa thời đoạn	Theo từng giờ	
4	Lượng mưa ngày	Đặt trung ngày	
5	Thời gian nắng	Đặt trung ngày	
6	Tầm nhìn xa	Theo thời gian quan trắc	
7	Gió (vận tốc, hướng gió)	Theo giờ	
8	Độ mặn	Theo giờ	
9	Mực nước	Theo giờ	
10	Lưu lượng nước	Theo giờ	

1. Thời gian cung cấp số liệu:

- Các số liệu quan trắc truyền thống được cung cấp 3 tháng sau quan trắc (cùng với thời điểm giao nộp số liệu cho Tổng cục Khí tượng Thủy văn theo quy định).

- Số liệu các trạm KTTV tự động được cung cấp hàng ngày.

2. Phương thức cung cấp dữ liệu: File mềm thông qua thư điện tử.

3. Giới hạn khi chia sẻ lại cho các đơn vị khác:

a) Đối với các Sở, ban, ngành tỉnh: Chia sẻ và sử dụng nhằm mục đích quản lý Nhà nước, nội dung nêu tại Điều 23 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

b) Đối với các đề tài khoa học cấp tỉnh, cấp sở; các cơ quan tổ chức khác:

- Mục đích phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước về KTTV trên địa bàn; điểm c khoản 2 Điều 23 Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ không phải thu phí.

- Các mục đích khác được thu phí theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 16/VBHN-BTC của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 01 năm 2019./.